

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 46/2021/TLST/HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T – sinh năm 1995;

Địa chỉ: Khu phố N, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P – sinh năm 1988;

Địa chỉ: Khu phố N, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về Án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn P

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

*Về hôn nhân:* Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn P thuận tình ly hôn.

*Về con chung:* Chị T, anh P có một con chung là cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 22/01/2017. Ly hôn anh chị thỏa thuận và thống nhất giao cháu P cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 06/2022 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Chị T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở

*Về tài sản, công nợ chung:* Chị T, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết

*Về án phí:* Chị T, anh P thỏa thuận chị Trần Thị T nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng định kỳ. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/0004444 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S (chị T đã nộp đủ án phí).

*“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP. Sầm Sơn;
- UBND P. Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*(đã ký)*

**Lê Thị Phong**